

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỌC CỦA GI.P.XÁC TÔRƠ

ĐỖ MINH HỢP (*)

Tóm tắt: Từ những luận điểm cơ bản của triết học hiện sinh, như con người - đó là sự hiện sinh, sự hiện sinh - đó là tự do, là hành vi sáng tạo, con người - đó là sự tự do lựa chọn, là siêu nghiệm hoá, là thực thể lịch sử, là giá trị tự thân và chủ nghĩa hiện sinh - đó là chủ nghĩa nhân văn, Gi.P.Xác Tơrơ đã đưa ra quan niệm về đạo đức và từ đó, xây dựng nên những "tín điều" đạo đức. Với những "tín điều" này, ông kêu gọi con người hãy hướng tới chủ nghĩa nhân đạo, đề cao con người, đề cao sự tự do của con người và hãy tạo ra các giá trị cho chính mình. Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất trong tư tưởng đạo đức học của Gi.P.Xác Tơrơ là ở chỗ đã phủ nhận tính khách quan của hành vi con người và do vậy, không thấy hết ý nghĩa khách quan của những giá trị đạo đức mà nhân loại đã có được.

Có thể nói rằng, từ trước cho tới nay, chủ nghĩa hiện sinh nói chung và chủ nghĩa hiện sinh của Gi.P.Xác Tơrơ nói riêng chủ yếu được khảo cứu từ góc độ bản thể luận, nhận thức luận và triết học chính trị. Song, vì chủ nghĩa hiện sinh với tư cách một thể giới quan và đặc biệt, với tư cách một nhân sinh quan, đã trở thành một bộ phận quan trọng của văn hoá sinh tồn, của tâm tính người phương Tây, nên chúng ta không thể bỏ qua nội dung đạo đức học của nó, nhất là trong bối cảnh hiện nay, khi loài người đang đối mặt với vô số nguy cơ đe dọa sự tồn tại của họ, khi những người có lương tâm đang cùng nhau đi tìm một thứ đạo đức thực sự nhân văn, cho phép đảm bảo được sự phát triển thực sự có tính người của mỗi người và của toàn thể cộng đồng nhân loại. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập tới vấn đề đạo đức trách nhiệm với tư cách đạo đức của tương lai trên cơ sở phân tích và đánh giá quan điểm đạo đức học trong chủ nghĩa hiện sinh của Gi.P.Xác Tơrơ.

Mặc dù không có ý định trình bày triết học hiện sinh, song để hiểu rõ đạo đức học hiện sinh chủ nghĩa thì không thể không nêu khái quát những luận điểm triết học mang tính chất nền tảng của nó.

Như đã rõ, chủ nghĩa hiện sinh là một khuynh hướng triết học phát triển mạnh vào những năm 50 - 60 của thế kỷ XX. Ông tổ của chủ nghĩa hiện sinh là X.Kiécócga - nhà triết học người Đan Mạch, người mà vào năm 1837 đã lên tiếng chống lại Hêgen khi cho rằng, ở đâu mà khoa học và tư duy duy lý với tư cách sự định hướng vào cái chung không còn hiệu lực thì ở đó, xuất hiện con người cùng với tồn tại, tính chủ quan và niềm tin tôn giáo của nó. Phải cần đến gần một thế kỷ, Gi.P.Xác Tơrơ mới có thể đánh giá chủ nghĩa hiện sinh như là "một học thuyết thực sự chặt chẽ... dành cho các chuyên gia và các nhà triết học"(1).

Các nhà triết học hiện sinh đã đưa ra nhiều quan niệm khác nhau về triết học hiện sinh, song nhìn chung, có thể nêu ra một số luận điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, *con người - đó là sự hiện sinh*. Các nhà triết học hiện sinh quan niệm triết học cổ điển đã đặt sai trọng tâm khi quan tâm tới lý tính, khoa học, tư duy, bản chất, nó đã bỏ qua điều quan trọng nhất là con người cùng với đặc điểm đặc trưng

(*) Tiến sĩ triết học, Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

(1) Gi.P.Xác Tơrơ. *Hiện sinh - một chủ nghĩa nhân bản*. Mátxcova, 1989, tr.321.

nhất của con người - tính chủ quan. Những thất bại của triết học cổ điển, từ Platon cho tới Hêgen, đã cho thấy tính chủ quan của con người không phải là bản chất, không phải là tinh thần khách quan hay tính xã hội, mà đơn giản là sự hiện sinh, là sự sinh tồn của con người. Khởi nguyên của triết học là con người, còn con người là sự hiện sinh.

Sự hiện sinh - lúc đầu là hư vô. Thoạt nhìn, quan niệm về sự hiện sinh như là hư vô, người ta có cảm tưởng là một điều nhảm nhí. Song, đánh giá như vậy về tồn tại người hoàn toàn không phải là một điều nhảm nhí. Trên thực tế, theo Gi.P.Xác-tơ-rơ, nếu con người "lúc đầu không thể hiện là gì cả"(2) thì việc xác định nó như hư vô là hoàn toàn có lý. Và, cũng có lý khi nói: tất cả mọi cái đang sinh thành đều bắt đầu từ "con số không", tức là từ hư vô. Đưa ra quan niệm này, Gi.P.Xác-tơ-rơ muốn *chỉ rõ sự sinh thành của cái có tính người trong con người diễn ra như thế nào*. Chính vì vậy mà ông đã né tránh các định nghĩa về con người, về sự hiện sinh như một cái gì đó và coi hư vô là lĩnh vực nghiên cứu riêng của triết học.

Sự hiện sinh - đó là tự do. Lúc đầu sự hiện sinh như là hư vô mà, với tư cách một trạng thái của con người, lại là tự do. Tự do là cơ sở của hành vi đánh dấu sự sinh thành của tính chủ quan, của cái có tính người trong con người. Lúc đầu con người không được quy định trước bởi bất kỳ một cái gì (thể xác, các đối tượng của thế giới bên ngoài, các quy định xã hội). Mọi mưu toan gán ép sự không tự do cho bản tính con người đều là sai trái. Điều này bắt nguồn từ chỗ con người hành động một cách đa dạng, không thể liệu trước, không phụ thuộc vào những hạn chế tưởng tượng. Do vậy, "con người bị kết án phải tự do"(3).

Sự hiện sinh - đó là hành vi sáng tạo. Tự do là sáng tạo, chứ không phải là vận

động máy móc theo con đường tiến hoá. Sáng tạo của con người là cách tân, là sự loại bỏ bất kỳ khuôn mẫu có sẵn nào.

Thứ hai, *con người - đó là sự tự do lựa chọn.* Con người trước hết là lựa chọn, là tự lựa chọn bản thân mình: Sứ mệnh của con người thể hiện ở việc nó tự hiện thực hoá những khả năng của mình. Do vậy, không phải là tất yếu, mà khả năng mới là cái mang tính thứ nhất.

Con người là siêu nghiệm hoá, tức vượt ra khỏi giới hạn của mình. Con người không thể dậm chân tại chỗ, nó phải siêu nghiệm hoá, vượt lên trên tồn tại hiện có của mình. Siêu nghiệm hoá chuyển con người vào tình huống. Con người có tự do trong một tình huống cụ thể, nhưng con người phải tự lựa chọn lấy mình. Tự do bao giờ cũng mang tính tình huống. Và, khi thông qua quyết định trong tình huống, con người thực hiện hành vi của mình.

Thứ ba, *con người là thực thể lịch sử, nhất thời, hữu hạn.* Hiện sinh vừa là trạng thái, vừa là hành vi và vừa là quá trình, do vậy cũng là nhất thời. Con người tự tạo ra thời gian của mình. Thời gian trong trường hợp này không phải là hiện tượng tự nhiên, mà là hiện tượng hiện sinh. Vai trò quyết định được gán cho mô thức về tương lai với tư cách cái có liên hệ mật thiết với các phương diện hiện sinh như lựa chọn, hy vọng, kiên định, khả năng, chờ đợi. Các nhà hiện sinh chuyển thời gian vào tính chủ quan của con người, vào lĩnh vực các phương diện hiện sinh.

Thứ tư, *con người là giá trị tự thân, nó không thể được thay thế bằng bất kỳ cái gì, kể cả loài.* Con người không tự tạo ra mình theo các thước đo chung. Những tìm tòi

(2) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Hiện sinh - một chủ nghĩa nhân bản*. Sđd., tr.323.

(3) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Hiện sinh - một chủ nghĩa nhân bản*. Sđd., tr.327.

thành công tính người đích thực trong tập thể tất yếu dẫn tới những hiện sinh của cá nhân riêng biệt và do vậy, cá nhân là cái mang tính thứ nhất.

Con người ràng buộc với nhau thông qua những hành vi giao tiếp. Một sự hiện sinh này gắn liền với một sự hiện sinh khác. Giao tiếp được hiểu không phải là bất kỳ mối liên hệ nào giữa người với người, nó chỉ là mối liên hệ mà trong đó, sự hiện sinh thực sự được hiện thực hoá. Giao tiếp cấu thành thế giới liên chủ thể.

Thứ năm, *chủ nghĩa hiện sinh - đó là chủ nghĩa nhân văn.* Các nhà hiện sinh khẳng định chính họ đem lại cho con người mục đích thực của tồn tại người. Do vậy, họ đã đặt đạo đức học vào vị trí trung tâm của toà nhà triết học.

Từ những luận điểm cơ bản đó của triết học hiện sinh, chúng ta phân tích **quan điểm đạo đức học** của chủ nghĩa hiện sinh, của Gi.P.Xác-tơ-rơ - một trong các "thủ lĩnh" của chủ nghĩa hiện sinh.

Trước hết, cần phải nói rằng, việc tách biệt thành tố đạo đức học từ hiện tượng học là rất khó, vì khi đó phải chứng minh hiện tượng học không những là lý luận nhận thức, mà còn bao hàm cả nội dung đạo đức học. Ngược lại, thành tố đạo đức học của chủ nghĩa hiện sinh là tương đối hiển nhiên, là cái "đập ngay vào mắt". Khi mô tả những nguyên lý của chủ nghĩa hiện sinh, khó có thể làm phai mờ được sắc thái đạo đức của chúng.

Nguyên lý đầu tiên của chủ nghĩa hiện sinh là: hiện sinh - hư vô - tự do lựa chọn trong tình huống cụ thể (hay đơn giản là tự do). Nếu bản chất (với tư cách đối cực của hiện sinh) và một cái gì đó (với tư cách đối cực của hư vô) tồn tại trước tự do, thì cần phải luận chứng cho tự do với tư cách cái có ý nghĩa thứ sinh. Với tư cách một trào lưu triết học, chủ nghĩa hiện sinh kiên

định tính thứ nhất của tự do. Mọi sự kiện kinh nghiệm dường như đều đưa chúng ta đến với sự kiên định này. Không phải ngẫu nhiên mà trong mọi khát vọng trái ngược nhau của thời đại chúng ta, dường như luôn có một yêu cầu hợp nhất mọi người. Mọi dân tộc, mọi người, đại diện của mọi chế độ chính trị đều đồng tâm đòi hỏi tự do(4). Tự do ở đây là một khái niệm triết học. "Toàn bộ hoạt động của con người, trước hết là hoạt động tinh thần, thể hiện ở chỗ phát hiện ra con đường của mình trong những khả năng được mở ra cho chúng ta. Những gì sẽ diễn ra đều phụ thuộc vào chúng ta, vào mỗi chúng ta, mặc dù con người riêng biệt không quyết định trước tiến trình phát triển lịch sử"(5). Nói cách khác, khi làm cho mình lệ thuộc vào một lực lượng nào đó (như hệ tư tưởng), con người vẫn hành động một cách tự do. Điều này có nghĩa là cần phải coi tự do là cái mang ý nghĩa chủ đạo trong những suy tư triết học. Tự do không phải là một cái gì đó và do vậy, nó là hư vô. Tự do không phải là bản chất, nó thể hiện là sự hiện sinh. Tự do, hiện sinh và hư vô là đồng nhất.

Suy tư triết học theo lối hiện sinh được thể hiện ở chỗ, xuất phát từ tự do, người ta có thể làm sáng tỏ nội dung của mọi phạm trù đạo đức học: thiện và ác, lương tâm và danh dự, công bằng và lạc quan. Tất cả những gì là đạo đức đều được đặt dưới ánh sáng phê phán của tự do. Một khi quy trình này làm thất vọng các nhà hiện sinh, thì nhất định họ sẽ từ bỏ định hướng của mình, khi vẫn còn tin vào tính xác thực của chính định hướng ấy. Việc từ bỏ quan niệm về tự do với tư cách nguyên lý chủ đạo của triết học được coi là cái dẫn tới những hệ

(4) Xem: K.Giaxpe. *Mục đích và sứ mệnh của lịch sử*. Mátxcova, 1991, tr. 166.

(5) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Tồn tại và hư vô*. Mátxcova, 1994, tr.167.

quả tai hại nhất đối với con người, vì khi đó, con người buộc phải từ bỏ các định hướng xác định và rốt cuộc, sa vào sự khống chế của những dự án tai hại đối với nó.

Thế nhưng, nếu tự do là nguyên tắc chủ đạo của tồn tại người, là cái phân biệt con người với mọi cái tự nhiên, thì tất yếu nảy sinh vấn đề xác định thái độ của con người đối với nguyên tắc ấy. Gi.P.Xác-tơ-ơ viết: "Tự do là tài sản quý giá nhất; nó không bao giờ tự đến và không được giữ lại một cách tự động. Người ta chỉ có thể giữ gìn tự do ở nơi mà nó được ý thức và con người cảm nhận thấy phải có trách nhiệm đối với nó"(6).

Với quan niệm đó, Gi.P.Xác-tơ-ơ đã chống lại truyền thống khẳng định con người phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình trước một cấp bậc nào đó xa lạ đối với nó (Chúa, luật pháp, xã hội, đạo đức xa lạ, v.v.). Phản ứng đầu tiên của ông đối với truyền thống này là: con người phải chịu trách nhiệm về bản thân mình. Theo ông, chủ nghĩa hiện sinh không phải là triết học của một con người riêng biệt với tất cả những biểu hiện sinh hoạt phong phú của nó, mà là triết học của tự do và do vậy, không bao giờ được đánh tráo vấn đề trách nhiệm đối với tự do bằng vấn đề trách nhiệm pháp lý của cá nhân cụ thể; trách nhiệm là sự hưởng ứng đối với hiện tượng "tự do" chứ hoàn toàn không phải là yêu cầu của cảnh sát. Rằng, tự do là cái vốn có của mỗi người; nó hoàn toàn không nhất thiết phải được "cấy ghép" vào mỗi cá nhân riêng biệt để rồi qua đó, cá nhân này bỗng đứng lại bị cô lập khỏi những người khác. Lên tiếng chống lại chủ nghĩa cá nhân, Gi.P.Xác-tơ-ơ đã lập luận như sau: "Khi nói con người tự lựa chọn bản thân mình, chúng tôi hàm ý nói tới việc mỗi người trong chúng ta đều lựa chọn bản thân mình. Nhưng, qua đó, chúng tôi cũng muốn nói rằng, khi lựa chọn bản thân mình, chúng ta lựa chọn tất cả mọi người"(7).

Với quan niệm đó, Gi.P.Xác-tơ-ơ cho rằng, mỗi người đều phải chịu trách nhiệm trước mọi người, đều lựa chọn "con người nói chung" hay lựa chọn "mô hình con người"; và điều quan trọng nhất là, khi tiến hành sự lựa chọn của mình, con người không hành động một cách mù quáng, mà tuân thủ kết quả triết lý của mình. Con người lựa chọn hình ảnh không những của bản thân mình, mà còn của những người khác nhờ chính kết quả triết lý đó. Bởi lẽ, chủ nghĩa hiện sinh - đó không phải là triết học của những kẻ cô đơn và hơn nữa, lại càng không phải là của một người riêng biệt nào đó, mà là triết học của những cá nhân đang giao tiếp với nhau. K.Giaxpe cũng đưa ra một luận điểm tương tự: "Tự do cần đến sự giao tiếp; giao tiếp là cái quan trọng hơn là sự tiếp xúc giản đơn, sự thoả thuận, mối thiện cảm, lợi ích và sở thích chung. Tự do và giao tiếp là những cái không thể chứng minh được"(8). Khẳng định tính không thể chứng minh được của tự do và giao tiếp, K.Giaxpe hàm ý nói chúng là kết quả của sự triết lý, chứ không phải của sự khái quát giản đơn những dữ liệu kinh nghiệm. Đối với ông, chúng là những phương diện hiện sinh. Gi.P.Xác-tơ-ơ cũng kiên quyết chống lại chủ nghĩa duy ngã khi cho rằng, "tồn tại cho nó bắt nguồn từ tồn tại cho tha nhân"(9).

Vấn đề giá trị có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc làm sáng tỏ nội dung của đạo đức học hiện sinh. Người ta thường buộc

(6) Gi.P.Xác-tơ-ơ. *Hiện sinh - một chủ nghĩa nhân bản*. Sđd., tr.182.

(7) Gi.P.Xác-tơ-ơ. *Hiện sinh - một chủ nghĩa nhân bản*. Sđd., tr.324.

(8) K.Giaxpe. *Mục đích và sứ mệnh của lịch sử*. Sđd., tr.231.

(9) Gi.P.Xác-tơ-ơ. *Tồn tại và thời gian*. Minsk, 1997, tr.147.

tội các nhà hiện sinh về việc tuyên truyền thói quen phi pháp, chuyên quyền, chủ nghĩa hư vô và rốt cuộc là vô đạo đức. Khi đó, người ta muốn nói là, các nhà hiện sinh không thừa nhận các giá trị, hay công khai việc tương đối hoá chúng, hoặc ít nhất là né tránh vấn đề những giá trị tích cực. Trên thực tế, các nhà hiện sinh chỉ bác bỏ những giá trị tiên nghiệm do các quyền uy gán ép cho con người. Họ cho rằng, những giá trị tiên nghiệm không phải là kết quả hoạt động của con người và do vậy, không thể hợp nhất chúng với tự do và sáng tạo như là các phương diện hiện sinh. Những quy định của quyền uy là không thể chấp nhận được đối với nhà hiện sinh, vì chúng không phải là tạo phẩm của bản thân ông ta và do vậy, không có quan hệ trực tiếp với tồn tại đích thực của ông ta. Nhưng việc công khai khước từ một số loại giá trị không có nghĩa là từ bỏ tất cả mọi giá trị. Vì, giống như bất kỳ người nào, nhà hiện sinh cũng buộc phải tôn thờ những giá trị xác định. Và, Gi. P.Xác-tơ-rơ có đủ cơ sở để tuyên bố nhân danh chủ nghĩa hiện sinh rằng: "chúng tôi cũng muốn xây dựng một vương quốc của con người với tư cách tổng thể những giá trị khác với vương quốc vật chất"(10).

Thừa nhận con người là hữu hạn, là hữu tử, song các nhà hiện sinh không vì thế mà khẳng định cái chấm dứt sự sống và toàn bộ những giá trị của nó. Nhà hiện sinh luôn gắn liền hiện tại với tương lai, coi hiện tại là cái cần phải mở ra một viễn cảnh cho tương lai. Sự vô trách nhiệm đối với tương lai sẽ làm giảm giá trị của tự do. Con người sống vô nghĩa khi chỉ biết đề cao hiện tại. Con người sống có trách nhiệm đối với tự do mới thấy hết trách nhiệm của mình đối với cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Xét về mặt triết học, tính nhất thời,

tính hữu hạn không nằm ở đằng trước, mà nằm ở đằng sau tự do và trách nhiệm.

Như vậy, có thể nói, chủ nghĩa hiện sinh không hề bác bỏ những giá trị. Không nên đồng nhất tự do với "tự do trống rỗng" của những kẻ thấp hèn. Lựa chọn cái hèn hạ, con người thấp hèn đã hạn chế tự do của mình. Để né tránh sự phong toả của cái hèn hạ, con người phải "thiết lập trật tự" trong thế giới giá trị thông qua việc đánh giá một cách thoả đáng mỗi giá trị và qua đó, đem lại một sự phân cấp xác định cho chúng. Với quan niệm này, Gi.P.Xác-tơ-rơ kêu gọi con người hãy phát hiện ra những giá trị quan trọng, những giá trị mở ra viễn cảnh cho tự do và sáng tạo, hãy sáng tạo một cách phù hợp với những năng lực của mình.

Như vậy, có thể nói, về thực chất, đạo đức học hiện sinh chủ nghĩa là đạo đức học giá trị. Nhưng, nhà hiện sinh phân tích những giá trị ở đâu thì ở đó, ông ta cũng thực hiện tư duy giá trị, mà tư duy giá trị cũng có logic của nó. Các nhà hiện sinh luôn rất quan tâm tới tư duy giá trị, song họ đã không đưa ra câu trả lời cho câu hỏi cần hợp nhất sáng tạo với tư duy giá trị như thế nào.

Gi.P.Xác-tơ-rơ đã so sánh sự lựa chọn đạo đức với việc sáng tạo ra một tác phẩm nghệ thuật(11). Ông cho rằng, không có một quy tắc tiên nghiệm nào ở đây cả, nhưng trong quá trình lựa chọn đạo đức, các giá trị mà trước đó, thể hiện ra là rất không xác định thì lại có được một hình thức xác định hơn nhờ việc thực hiện sự lựa chọn ấy. Nếu các giá trị được tách biệt, thì chúng tất yếu phải được so sánh với nhau trên cơ sở của tư duy giá trị - nghiên cứu các giá trị, so

(10) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Hiện sinh - một chủ nghĩa nhân bản*. Sđd., tr.335 - 336.

(11) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Hiện sinh - một chủ nghĩa nhân bản*. Sđd., tr.338.

sánh và cải biến chúng. Theo Gi.P.Xác-tơ-rơ, "hành vi của những con người trung thực có mục đích tối hậu là tìm kiếm tự do tự nó. Phát minh bao giờ cũng có, song cần phải xem xét phát minh đó có được thực hiện vì tự do hay không"(12).

Với các nhà hiện sinh, tự do và trách nhiệm là những phương diện hiện sinh quan trọng nhất của con người. Xét về bản tính của mình, con người buộc phải gánh vác trách nhiệm. Con người không thể chạy trốn khỏi những cảm giác, như nỗi sợ hãi, lo âu, thất vọng. Sợ hãi có nhiều biến thể. Nỗi sợ hãi siêu hình - đó là nỗi khiếp sợ, nỗi đau khổ trước tính bất định của tồn tại. Con người lo sợ chiến tranh, thảm họa, bất hạnh, những cá nhân không quen biết - đây cũng là những biến thể cụ thể của sợ hãi. Theo Gi.P.Xác-tơ-rơ, không có sợ hãi thì con người cũng không có được sự tỉnh táo khi đối mặt với những thảm họa đang đe dọa nó và với nghĩa đó, sợ hãi không phải là cảm xúc tiêu cực, mà là cảm xúc tích cực. Ông viết: "Khi còn có sợ hãi thì con người còn có cơ hội trụ vững, và tính thực tại của cơ hội này phụ thuộc vào việc con người khác phục nỗi sợ hãi của mình như thế nào. Cần phải chấp nhận sự sợ hãi. Nó là cơ sở của hy vọng"(13). Lo âu là trạng thái tự nhiên của con người gánh vác trách nhiệm, còn vô vọng là cái thường đi liền với tính bất khả thi của những hành vi mong muốn. Một đặc điểm của con người hiện sinh là tính kiên định của nó, thiếu điều đó thì đương nhiên, không thể có tự do và trách nhiệm. Tự do và trách nhiệm cũng đòi hỏi tình đoàn kết và sự hợp nhất giữa mọi người.

Các nhà hiện sinh và bản thân Gi.P.Xác-tơ-rơ còn lý giải nhiều phạm trù vẫn được coi là nền tảng đối với đạo đức học, như thiện, ác, lương tâm, trung thực, tội lỗi, hèn nhát, bổn phận. Thiện thể hiện

với tư cách các phương diện hiện sinh của tự do và trách nhiệm về tự do. Ác là sự từ bỏ thiện. Không trung thực là thông tin xuyên tạc về tình hình thực tế và định hướng chống lại các lý tưởng về tự do. Lương tâm là sự tự đánh giá của cá nhân trên bình diện tính cấp bách của nó đối với tự do. Tội lỗi là sự từ bỏ trách nhiệm. Hèn nhát là sự che giấu tự do nhờ dựa vào hoàn cảnh. Bổn phận là việc phục tùng những giá trị mà bản thân mình đã lựa chọn.

Một số người cho rằng, các nhà hiện sinh và Gi.P.Xác-tơ-rơ đã không đưa ra được những giá trị tích cực. Song, một số người lại không chấp nhận lời buộc tội ấy, bởi theo họ, lẽ nào trách nhiệm về tự do mà các nhà hiện sinh đưa ra lại không phải là một giá trị tích cực? Rằng, công lao không thể bác bỏ được của họ là ở chỗ đã khôi phục đề tài tự do trên bình diện triết học. Chính họ đã luận chứng và nghiên cứu đề tài này kỹ hơn bất kỳ một ai khác. Chính họ, lần đầu tiên, đã đem lại cho tự do tính chất của phương diện hiện sinh quan trọng nhất, mang tính nền tảng - họ đã thay homo sapiens bằng homo liberalis.

Có thể khẳng định, với tư cách một khuynh hướng triết học, chủ nghĩa hiện sinh trước hết là tạo phẩm của những người sáng lập ra nó, của những thiên tài triết học mà hoàn toàn không nên nhồi nhét vào "cái rọ chủ nghĩa cá nhân tư sản". Các nhà hiện sinh có một điều gì đó để nói với những người đương thời của mình. Những phán xét của họ luôn nhận được sự hưởng ứng xã hội. Chính Gi.P.Xác-tơ-rơ đã được gọi là lương tâm của người Pháp vào những năm 50 - 60 của thế kỷ XX, là "nhà triết học của thế kỷ XX" (B.H.Lêvi). Ông tỏ

(12) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Hiện sinh - một chủ nghĩa nhân bản*. Sđd., tr.340 - 341.

(13) Gi.P.Xác-tơ-rơ. *Hiện sinh - một chủ nghĩa nhân bản*. Sđd., tr.164.

rõ sự lo lắng trước việc con người có thể đánh mất mảnh đất dưới chân khi cảm thấy những hiểm họa đang đe dọa sự tồn vong của nhân loại, thấy cái chung chế ngự cái riêng, chủ nghĩa duy khoa học, chủ nghĩa duy kỹ thuật, bệnh quan liêu và loại người tầm thường chiếm ưu thế đối với chủ nghĩa nhân văn, thấy ít người dám gánh vác trách nhiệm đích thực, trong khi nền giáo dục suy thoái lại đang dẫn tới sự tự làm trống rỗng tinh thần, triết học thì đang đánh mất ý nghĩa của mình và cuộc đấu tranh của con người vì bản tính đích thực đã không còn được ý thức là cần thiết. Do vậy, khi hướng tới đạo đức học hiện sinh, Gi.P.Xác-tơ-rơ kêu gọi con người hãy hướng tới *chủ nghĩa nhân đạo*, đề cao con người, đề cao sự tồn tại của thực thể người trong thế giới hiện thực, đề cao sự tự do của con người trong một thế giới mà con người phải tự chịu trách nhiệm về sự hiện hữu của mình và chịu trách nhiệm về sự hiện hữu của các thực thể khác; hãy tạo ra các giá trị cho chính mình và tạo ra chính mình nhờ các giá trị đó; hãy "siêu vượt" chính mình và "siêu vượt" thế giới để thay đổi thế giới.

Từ những trình bày trên, chúng tôi sơ bộ khái quát hoá những "tín điều" đạo đức học của chủ nghĩa hiện sinh Xác-tơ-rơ như sau:

Thứ nhất, hãy làm cho lối ứng xử của mình phù hợp với bản tính đích thực của con người - tự do. Hãy bảo vệ tự do, hãy coi là trách nhiệm khi bảo vệ tự do. Từ bỏ trách nhiệm về tự do có nghĩa là từ bỏ nhân tính.

Thứ hai, hãy đừng chạy trốn mà phát triển cảm giác lo âu, tỉnh táo, quan tâm và sợ hãi, vì chúng là cần thiết cho trách nhiệm về tự do.

Thứ ba, hãy sáng tạo ra những giá trị mới, đừng bằng lòng với những giá trị cũ.

Trách nhiệm về tự do không thể thiếu sự sáng tạo ra giá trị. Hãy so sánh những giá trị từ góc độ trách nhiệm về tự do. Trước hết hãy đề cao giá trị thúc đẩy tối đa tự do. Hãy đừng bác bỏ hoàn toàn và dứt khoát những giá trị cũ mà tái lý giải chúng từ góc độ trách nhiệm về tự do.

Thứ tư, hãy giáo dục cho mình tinh thần kiên quyết, hãy thực hiện những hành vi vì sự vô vi sẽ làm mất tự do. Hiện sinh không phải là hư vô hoá. Hãy tính đến tình huống hiện tại khi thông qua quyết định. Hãy đừng thoả mãn với hiện tại, vì viễn cảnh cho tương lai chỉ được mở ra trong trường hợp đó. Hãy tạo ra khả năng cho tương lai ngay trong thời hiện tại.

Thứ năm, hãy nhớ rằng, thói độc đoán luôn mâu thuẫn với trách nhiệm về tự do, và do vậy, hãy đừng là người theo chủ nghĩa cá nhân, hãy sống trong cộng đồng, vì kẻ cô đơn không thể có tự do.

Thứ sáu, hãy hướng tới sự triết lý đích thực, vì đây là con đường duy nhất dẫn tới chủ nghĩa nhân đạo thực sự.

Từ lập trường mácxít, có thể khẳng định, những "tín điều" đó trong tư tưởng đạo đức học của Gi.P.Xác-tơ-rơ đã coi sự tự do con người là vấn đề trung tâm, là bản chất của hành vi con người, là phương thức tồn tại và cội nguồn của hoạt động con người. Song, khi luận giải tự do với tư cách đó, ông đã không đúng khi phủ nhận tính quy định khách quan của hành vi con người và do vậy, đã không thấy hết ý nghĩa khách quan của những giá trị đạo đức mà nhân loại đã có được. Không chỉ thế, Gi.P.Xác-tơ-rơ còn bỏ qua nguồn gốc xã hội đã dẫn đến sự tha hoá của con người trong thế giới hiện thực và cuộc đấu tranh chống lại sự tha hoá ấy của con người. □